

## VẤN ĐỀ CON NGƯỜI TRONG NHÂN HỌC TRIẾT HỌC HIỆN ĐẠI (QUA SỰ KIẾN GIẢI CỦA MAX SCHELER)

Nguyễn Việt Phương

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: phuongdhkh@gmail.com

Ngày nhận bài: 12/4/2022; ngày hoàn thành phản biện: 26/5/2022; ngày duyệt đăng: 4/8/2022

### TÓM TẮT

Với tính cách là một trào lưu triết học độc lập, nhân học triết học xuất hiện ở Đức vào những năm 20 của thế kỷ XX, sau đó mở rộng ảnh hưởng sang Áo và Thụy Sĩ. Người sáng lập nhân học triết học là Max Scheler. Theo Scheler, nhiệm vụ trọng tâm của chương trình nhân học triết học mà ông dành tâm huyết cả đời xây dựng đó là khảo xét về vấn đề con người trong tính chính thể, toàn vẹn của nó. Qua những điểm then chốt trong nhân học triết học của Scheler, chúng ta có thể hình dung rõ hơn về cách thức đặc trưng mà nhân học triết học hiện đại đã tiếp cận và giải quyết vấn đề con người.

**Từ khóa:** Nhân học triết học, Max Scheler, triết học hiện đại, con người.

### 1. MAX SCHELER VÀ NHÂN HỌC TRIẾT HỌC HIỆN ĐẠI

Bối cảnh châu Âu cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đánh dấu một bước ngoặt trọng đại của lịch sử nhân loại. Những biến đổi to lớn trong đời sống kinh tế, chính trị - xã hội, những tâm tính mới xuất hiện trong văn hóa và triết học, tất cả đã tạo ra những cơ hội cho những phản tư mới xuất hiện về các vấn đề triết học truyền thống. Max Scheler có lý khi đưa ra nhận định rằng, “chưa bao giờ trong lịch sử con người lại phải đối mặt với nhiều vấn đề của chính mình như hiện nay” [12, tr.45-46]. Có thể xem hiện trạng đó chính là nguồn sống, là “mảnh đất hiện thực” để những “hạt giống” triết học về con người nói chung, nhân học triết học nói riêng sinh sôi nảy nở.

Đặt trong viễn tượng triết học phương Tây hiện đại, giới nghiên cứu thường hiểu nhân học triết học ở hai nghĩa:

*Nghĩa thứ nhất* (hay *nghĩa rộng* theo như cách gọi của một số công trình nghiên cứu [xem: 1, 3, 11], nhân học triết học là thuật ngữ tổng quát dùng để chỉ *khuyh hướng triết học nhân sinh* hình thành và phát triển ở Tây Âu và Bắc Mỹ từ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX. Trong khuynh hướng nhân học chung ấy, chúng ta có thể kể ra

hàng loạt các trào lưu triết học đã khuấy đảo bầu không khí tinh thần của các nước phương Tây trong suốt thế kỷ XX như chủ nghĩa nhân vị, triết học đời sống, chủ nghĩa thực dụng, hiện tượng học, chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa Freud... Dù xuất phát điểm khác nhau nhưng các trào lưu trên đều “gặp nhau ở một điểm” đó là lấy việc nghiên cứu con người làm hạt nhân của suy tư triết học, từ đó đề xướng “một rừng” các học thuyết về con người, mà giới nghiên cứu triết học phương Tây định danh một cách chung là “nhân học triết học”. Theo nghĩa này, nhân học triết học có thể đồng nhất với khuynh hướng tư tưởng mà André Niel gọi là “chủ nghĩa nhân bản hiện đại” [5].

Theo nghĩa thứ hai (nghĩa hẹp), nhân học triết học là “một trào lưu triết học độc lập, giữ vị trí đặc biệt trong cấu trúc tri thức triết học ở phương Tây” [4, tr.385] ra đời ở Đức vào thập niên 20 thế kỷ XX, sau đó mở rộng ảnh hưởng sang Áo và Thụy Sĩ. Người khởi xướng nhân học triết học hiểu theo nghĩa này là Max Scheler<sup>1</sup>. Scheler là một người có phổ nghiên cứu rất rộng, các tác phẩm của ông nghiên cứu nhiều lĩnh vực tri thức khác nhau như đạo đức học, triết học về giá trị, triết học tôn giáo, xã hội học tri thức, nhân học triết học... Nhưng, không còn nghi ngờ gì nữa, nhân học triết học chính là tâm huyết cả đời của Scheler được ông đúc kết trong những năm tháng cuối cùng của cuộc đời yếu mệnh<sup>2</sup>. Trong các tác phẩm cuối đời *Vị thế của con người trong vũ trụ* (1928), Scheler đã chỉ ra sự cần thiết phải xây dựng chương trình nhân học triết học và xem đó như là siêu hình học tổng quát về con người. Nhiệm vụ của nhân học triết học, do đó, là thống nhất việc nghiên cứu khoa học cụ thể, những phạm vi khác nhau của sự tồn tại người với sự nhận thức toàn vẹn về con người.

Mặc dù góp công lớn vào sự hình thành và phát triển của nhân học triết học với tính cách là một bộ môn riêng biệt trong cấu trúc tri thức của triết học hiện đại, tuy nhiên thật ngạc nhiên khi trong hơn nửa thế kỷ sau cái chết của ông (1928), giới hàn lâm vẫn ít

---

<sup>1</sup> Max Ferdinand Scheler (1874 - 1928) là nhà triết học Đức được công nhận là “người sáng lập nhân học triết học của thời đại chúng ta” (Michael Landmann). Ông là người có số mệnh ngắn ngủi và một sự nghiệp đầy trắc trở. Mặc dù nhận được đánh giá trân trọng của giới triết học châu Âu đương thời, tuy nhiên có một thực tế là các tác phẩm của Scheler bị cấm trong suốt thời gian thống trị của Đức Quốc xã (1933 - 1945). Kết quả là không một tác phẩm nào của Scheler được dịch sang tiếng Anh cho đến năm 1954, ngoài một vài một vài tài liệu thứ cấp tương đối ít ỏi về triết học của ông. Trong cuộc đời sáng tạo của mình, Scheler đã để lại những tác phẩm có giá trị trải rộng trên nhiều lĩnh vực tri thức khác nhau như đạo đức học, triết học về giá trị, triết học tôn giáo, xã hội học tri thức, *nhân học triết học*... Những tác phẩm chủ yếu của ông bàn về nhân học triết học gồm *Cái vĩnh hằng nơi con người* (Vom Ewigen Im Menschen, 1921), *Con người và lịch sử* (Mensch und Geschichte, 1924), *Vị thế của con người trong vũ trụ* (Die Stellung des Menschen im Kosmos, 1928).

<sup>2</sup> Vào tháng 4 năm 1928, vài tuần trước khi ông qua đời đầy bất ngờ, Scheler thú nhận rằng: “Vấn đề: Con người là gì, con người có vị thế như thế nào? đã xâm chiếm suy nghĩ của tôi sâu sắc hơn bất cứ vấn đề triết học nào khác bởi lẽ ngay từ đầu chúng đó đánh thức ý thức triết học của tôi” [dẫn theo: 2, tr.2].

chú ý đến ông (điều này có thể dễ dàng nhận ra khi đối sánh với những nhân vật đình đám cùng thời với ông như Edmund Husserl, Martin Heidegger...). Trong bối cảnh những mối bận tâm đến nhân học triết học đang được phục hưng trong mấy thập niên gần đây, người ta có lý do để tìm về và suy ngẫm lại những kiến giải nhân học của Max Scheler.

## 2. NHỮNG LUẬN ĐỀ TRỰC LỖI VỀ CON NGƯỜI TRONG NHÂN HỌC TRIẾT HỌC CỦA MAX SCHELER

### 2.1. Con người – một hữu thể độc nhất vô nhị

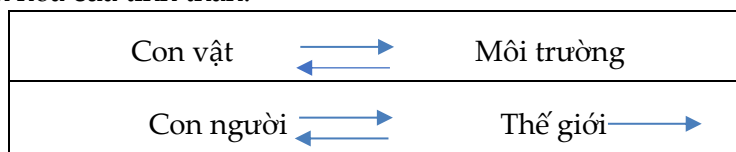
Nhà triết học H.O. Pappe từng chỉ ra trong chương trình của mình, *nhân học triết học nỗ lực làm sáng tỏ những đặc tính căn bản riêng có của con người và phân biệt tồn tại người với các dạng tồn tại khác (chúng tôi nhấn mạnh – TG)* [10, tr.141-142]. Từ cuối thế kỷ XIX, quan niệm của các nhà tiến hóa luận theo trường phái Darwin - Lamarck chỉ ra sự khác biệt giữa con người và con vật chẳng qua chỉ là khác biệt ở mức độ phức tạp về năng lực của trí khôn và khả năng chọn lựa. Căn cứ vào những chứng cứ khoa học cung cấp, và những gì đã khám phá khi khảo sát những biểu hiện của đời sống tâm thần nơi các sinh thể, Scheler không thỏa mãn với giải thích này. Ông cho rằng, giữa con người và con vật phải có sự khác biệt về bản chất chứ không đơn giản là sự khác biệt về cấp độ. Sự khác biệt ấy được xác định bởi cái mà ông gọi là *Tinh thần* (Geist, Spirit) – một đặc tính chỉ có thể được tìm thấy nơi con người. Không gì khác chính Tinh thần đã làm cho đời sống con người trở nên độc lập với những sinh lực, và vượt thoát khỏi sự tùy thuộc vào tự nhiên.

Trong các tác phẩm của mình, Scheler không đưa ra một định nghĩa đầy đủ và cụ thể về cái gọi là Tinh thần. Bản thân Scheler cũng không chủ định là điều này, nghĩa là ông không cố gắng suy xét Tinh thần như một đối tượng cụ thể, mà thay vào đó cố gắng quan sát, miêu tả những hoạt động và những đặc tính của tinh thần khả dĩ tạo ra sự khác biệt giữa con người với các cấp độ sinh thể khác, cũng như tạo nên nên tính độc đáo, đặc biệt và duy nhất của con người trong vũ trụ. Theo Scheler, Tinh thần có bản chất của nó, cũng như có tính tự trị (autonomy), nhưng lại thiếu đi năng lực nội tại, do đó Tinh thần chỉ là một dạng ý chí thuần túy. Với ý chí này, Tinh thần thực hiện vai trò “dẫn đạo” (direction) bằng sự kiềm chế và định hướng chuyển hóa sinh lực (libidinal energy).

Trong chương II của tác phẩm *Vị thế con người trong vũ trụ* (1928), Scheler đã khảo xét *Tinh thần* qua bốn đặc tính căn bản:

Một là, “khai mở thế giới” (weltoffenheit, world-openness). Đối với Scheler, chỉ con người mới được xác định là một hữu thể có thể bày tỏ hành động “mở ra với thế

giới” một cách vô hạn, đã là con người thì phải có năng lực khai mở thế giới nhờ năng lực khách quan hóa của tinh thần.



*Sự khác biệt giữa con vật và con người [12, tr.53-54]*

Như vậy, khả năng khách quan hóa, khả năng làm cho hữu thể tinh thần mở ra với thế giới. Nói cách khác, có *một thế giới không ngừng mở ra trước con người và chỉ với con người*. Trong khi đó, động vật “dính chặt” vào những đời sống tự nhiên, vẫn lệ thuộc vào những xung lực sống, và chưa hề có khả năng tự ý thức về mình, bởi vì nó chưa thể thoát ra hay tách khỏi môi trường để thực hiện hành vi phản tỉnh – nhìn lại mình. Đây cũng là một điểm khác biệt căn bản giữa con người và con vật, và điều ấy góp phần làm nên nét độc đáo nơi con người xét như một hữu thể tinh thần (spiritual being).

*Đặc tính bản chất thứ hai* của hữu thể tinh thần là *sự tự ý thức về mình* liên quan tới hành vi phản tỉnh (self-reflex). Nhờ hoạt động của tinh thần mà con người có thể khách quan hóa môi trường và biến nó thành “thế giới cho ta”. Điều đó có nghĩa là con người có thể vượt ra khỏi những trạng thái tâm – sinh lý của mình, vượt ra khỏi những kinh nghiệm thuộc về đời sống tâm thần, để hiện thực hóa hành vi phản tỉnh.

*Đặc tính bản chất thứ ba* của hữu thể tinh thần là *tính không thể trở thành một đối tượng*. Thực chất, tinh thần là tính thực hữu thuần túy (pure actuality) chỉ trình hiện trong và thông qua hoạt động của chính nó. Scheler nhấn mạnh, tâm điểm của tinh thần đó là nhân vị (person) với tư cách là “kẻ thực thi mọi hành động của tinh thần” [xem: 8, tr.25]. Nhân vị không phải là một đối tượng hay một thực thể (substance), mà là một quá trình liên tục triển hiện tự thân qua hành động của nó. Đặc tính tinh thần không thể trở thành một đối tượng dẫn tới vấn đề tính liên vị của con người. Nhân vị là thứ không thể bị khách quan hóa, dù đó là nhân vị của chính mình, hay các nhân vị khác. Nghĩa là, xét về phương diện nhận thức luận, chúng ta không thể biến các nhân vị khác thành đối tượng. Do đó, để “nhận ra”, “gặp gỡ” những nhân vị khác, mỗi người phải tham dự vào những hành động tự do của các nhân vị bằng sự đồng cảm trong tình yêu thương (một thái độ đối ngược hoàn toàn với khách quan hóa). Nói cách khác, người ta phải đi vào thái độ của tình yêu thấu cảm bằng việc “đồng nhất hóa” với ý chí, với tình yêu của những nhân vị khác.

*Đặc tính thứ tư của tinh thần thể hiện ở khả năng phân biệt giữa bản chất và hiện hữu.*

Hai thuật ngữ bản chất (*Was-sein*) và hiện hữu (*Dasein*) mà Scheler sử dụng ở đây có thể được hiểu trong ngữ nghĩa mà Hans Meyerhoff diễn giải khi viết lời giới thiệu cho tác phẩm *Vị thế của con người trong vũ trụ*, “những cái bản chất này là có tính

tiên thiên, nghĩa là chúng được xem như cung cấp những hiểu biết vững chắc mang tính phổ quát và khách quan xuyên thấu những cấu trúc bị che khuất và những ý nghĩa ẩn sau thế giới hiện tượng" [6]. Nghĩa là, Scheler muốn phân biệt giữa hiện hữu với tính cách là cái thuộc về thế giới hiện tượng, và *bản chất của nó* với tính cách là cái có tính vững chắc, phổ biến và khách quan ẩn tàng sâu xa nơi thế giới hiện tượng.

Việc Tinh thần phân biệt bản chất và hiện hữu có thể được hình dung như quá trình con người giải trừ những tác động đến từ những động lực và môi trường. Nói cách khác, đó là khả năng nói "Không" với những động lực cụ thể cũng như với kinh nghiệm toàn thể của họ về chính thực tại, để rồi trở nên khả dĩ cho việc "tưởng tượng" (*Ideierung*, *Ideation*) trừu tượng, từ đó, làm cho con người có được sự hiểu biết bên trong sự vật [2, tr.17].

Đối với Scheler, tinh thần là yếu tố làm cho con người trở nên khác biệt với những sinh thể thấp hơn, thực vật và động vật. Nói một cách không úp mở thì Tinh thần chính là "đặc tính" giúp xác lập địa vị độc tôn của con người. Trong nhãn giới của Scheler, con người trình hiện như một hữu thể tinh thần, có nguồn gốc siêu hình. Trở lại với đặc tính của tinh thần của con người, căn cứ vào khả năng khách quan hóa nhờ hoạt động của tinh thần, Scheler xác định được nguồn gốc uyên nguyên của con người với tính cách là một hữu thể tinh thần: Chỉ con người – nhân vị mới có khả năng vượt lên chính mình xét như một sinh thể, và từ trung tâm [của tinh thần] vốn vượt xa khuôn khổ không – thời gian của thế giới, siêu vượt mọi sự vật, hiện tượng (bao gồm cả chính bản thân mình) thành một đối tượng của tri thức. Do đó, con người với tính cách là một hữu thể tinh thần không gì khác hơn là một hữu thể vượt lên chính mình trong thế giới.

Như vậy, khởi đi từ những hiểu biết căn bản về Tinh thần, Scheler tiếp tục dẫn thân vào những suy tưởng siêu hình học về con người với tính cách là một hữu thể tinh thần, để rồi ông nhận ra con người có một vị thế đặc biệt trong thế giới, một thế giới vẫn đang trở thành, và hướng đến những giá trị.

## 2.2. Con người với tính cách là nhân vị

Con người như là nhân vị - một trong những luận đề căn bản trong nhân học triết học của Max Scheler. Khi tiếp cận tư tưởng của Scheler, Hans Urs von Balthasar phát hiện thấy lĩnh vực của cái nhân vị chính là mối bận tâm sâu xa nhất của nhà triết học Đức. Đối với Scheler, đó là vấn đề quan trọng hơn bất cứ vấn đề nào khác, là "thánh điện" trong nhân học triết học của ông. Điều này phần nào giải thích vì sao lần này đến lần khác Scheler định vị mình trong khuôn khổ triết học của chủ nghĩa nhân vị.

Luận đề con người như là nhân vị được Scheler bàn luận chủ yếu trong tác phẩm "*Chủ nghĩa hình thức trong Đạo đức học về giá trị từ quan điểm phi hình thức*", với

tựa phụ “*Một cách tiếp cận mới hướng đến nền tảng của chủ nghĩa nhân vị đạo đức*”. Cơ sở tham chiếu trực tiếp cho luận đề nhân học này của Scheler đó là đạo đức học của Kant. Thuật ngữ “*cơ sở tham chiếu*” mà chúng tôi dùng ở đây là để nhấn mạnh rằng, Kant là một trong những nhân vật đóng vai trò quan trọng đối với nhân học triết học của Scheler vừa với tư cách là đối tượng phê phán, vừa với tư cách là tiền đề lý luận. Phần này sẽ phân tích rõ hơn vai trò kép này của triết học Kant qua lăng kính của Scheler nhìn về con người - nhân vị.

Cũng cần nói thêm, điều thú vị trong cách mà Scheler lựa chọn tiếp cận khảo xét nhân vị đó là ông đã không đi vào lối mòn của nhân học cổ điển, hay thậm chí cách làm của ông khá ngược đời. Nói như Heidegger, sự phản tư của Scheler về hiện tượng nhân vị là một sự phản tư theo lối phủ định. Ông ta không tiếp cận vấn đề hiện sinh của nhân vị, mà cố gắng chỉ ra những gì nhân vị không phải là [7, tr.84].

Scheler tâm đắc với quan niệm nhân học của Kant xem *nhân vị không phải là một sự vật, cũng không phải là một đối tượng, mà là một hữu thể có phẩm giá*. Scheler khẳng định lập trường của mình bằng tuyên bố “*nhân vị không bao giờ có thể được nghĩ như một sự vật hay một thực thể*”. Tuy nhiên, không giống như quan điểm duy lý của Kant, Scheler tuyên bố rõ nhân vị không bao giờ được xác định như một hữu thể thuần lý (Vernunftperson), đồng thời kiên quyết bác bỏ quan niệm theo lối Kant rằng, con người được nhận biết như là “*một nhân vị chỉ thông qua hành vi duy lý phi cá nhân, mà trước hết là hành vi của lý tính thực tiễn*”. Scheler chỉ rõ, một trong những sai lầm căn bản của đạo đức học hình thức theo kiểu Kant đó là việc quá chú trọng đến duy lý hóa nhân vị. Nói cách khác, Kant đã sai khi giản lược con người thành một tác nhân duy lý đơn thuần (mere rational agent).

Trong đạo đức học của Kant, tính đạo đức mang bản chất tiên thiên, nên về nguyên tắc không thể được thiết lập từ những yếu tố cảm tính và bằng con đường thường nghiệm (mà theo Kant là những sự kiện mang tính hậu nghiệm). Nói cách khác, nền tảng của các quy luật đạo đức không bao giờ có thể rút ra từ những dữ kiện khả giác. Đó là lý do giải thích tại sao quy luật đạo đức tồn tại dưới dạng các mệnh lệnh tuyệt đối, phổ quát và vô điều kiện. Nhưng Scheler lại nghĩ khác. Con người có năng lực trực giác bản chất (Wesnsschauung) và xác lập giá trị (Wertnehmung). Các giá trị đạo đức (chẳng hạn như tốt, xấu, thiện, ác), về bản chất, nghĩa là có tính chất thể, do đó bất cứ tác nhân đạo đức nào cũng có thể cảm nhận, hành động, lựa chọn và phán quyết về các giá trị một cách tự do. Từ lập trường đạo đức học chất thể, Scheler chỉ ra sai lầm của Kant là đã loại bỏ tính chất thể của các giá trị đạo đức.

Scheler tuyên bố, các giá trị hiện tượng luận đi trước bất cứ mọi quy luật hình thức tất yếu và phổ quát. Với cách hiểu trên về các giá trị, Scheler định nghĩa *nhân vị là kẻ mang chở giá trị* (Wertrager). Chúng ta có thể một cách rõ ràng, các giá trị chất thể được xác định như là cái tiên thiên đối với con người - nhân vị. Về căn bản, con người

là một nhân vị hành động, và bản chất của một nhân vị nằm trong sự kiên anh ta hay cô ta chỉ hiện thân qua việc thực hiện các hành vi ý hướng.

Trong mắt nhìn của Scheler, con người nơi đạo đức học kiểu Kant không bao giờ có thể tồn tại như một cá nhân tự trị, không phải là một nhân vị. Thậm chí sự phê phán của Scheler đối với Kant còn đi xa hơn nữa khi ông khẳng định một cách không úp mở rằng, hình mẫu con người kiểu Kantian ấy chẳng qua cũng chỉ là “homo noumenon”, nghĩa là cũng chẳng khác gì với mọi dạng thức tồn tại khác nơi thế giới “vật tự nó”, mà như vậy thì chúng ta không thể có bất cứ ý niệm nào về hình mẫu người huyền nhiệm này với tính cách là một nhân vị tự do và có phẩm giá.

*Thứ hai, nhân vị không đồng nhất với “Cogito”.*

Thêm một điểm nữa thể hiện sự bất đồng giữa Scheler và nhà triết học tiền bối đồng hương. Nếu như Kant nỗ lực khách quan hóa chủ thể nhận thức thành một ý niệm thuần túy về “cái Tôi tư duy” (Cogito) hay ý thức nói chung, thì ở chiều ngược lại, Scheler xuất phát từ lập trường hiện tượng học xem cái Tôi của một con người – nhân vị luôn gắn chặt với thân thể sống trải (lived-body). Nói cách khác, nhân vị trong quan niệm của Scheler luôn là một “cái Tôi - thân xác” (Ego-body). Ông diễn giải thêm, cái gọi là thân thể sống trải được mặc định như một sự thống nhất tổng thể và có trước thân thể - sinh học của con người.

Trong cách nhìn của Scheler, Cogito dĩ nhiên hiện diện trong mỗi người nhưng không thể đồng nhất nó với toàn bộ đời sống tinh thần của con người, bởi còn đó nhiều hiện tượng khác như tình yêu, cảm xúc, khát khao, niềm tin, hy vọng... Điều đó có nghĩa Cogito chỉ là một trong thành tố tạo nên cái chỉnh thể (nhân vị) mà thôi, rằng mỗi nhân vị được hình dung là chỉnh thể được kiến tạo từ những hành vi ý hướng mà anh/cô ta thực hiện. Sự phân biệt giữa nhân vị và Cogito còn thể hiện ở chỗ nếu như Cogito có thể là một đối tượng được khách quan hóa, nhưng nhân vị thì không bao giờ bị hóa thành đối tượng của bất cứ một cái gì khác.

*Thứ ba, nhân vị không đơn thuần là thân xác*

Cố nhiên, không thể có bất cứ một nhân vị nào mà không có thân xác, cũng giống như sự tồn tại của con người luôn gắn liền với thế giới vật chất hữu hình (corporeality). Song, không phải vì thế mà đồng nhất thân xác với nhân vị một cách giản đơn. Với Scheler, thân xác là phương tiện của nhân vị. Ông phân biệt giữa *thân xác hiểu theo nghĩa vật lý* (Körper) và *thân xác của ta* (Leib). Scheler chỉ rõ, tri giác bên trong cho phép một nhân vị tri nhận được sự khác biệt giữa *thân xác vật lý* và *thân xác của ta*. Thân xác của ta luôn là một thân xác được ban cho ta, thuộc sở hữu của ta. Dường như Scheler không thừa nhận tầm quan trọng của xác thân như là một yếu tố cấu thành một nhân vị. Ông không mô tả nhân vị như là một tinh thần “bằng xương bằng thịt”, mà

đơn thuần là một hiện hữu tinh thần. Xem ra yếu tố nhục thể không thích hợp để tham gia vào cấu trúc của nhân vị.

Nhưng hãy xem, cách Scheler định nghĩa nhân vị không hoàn toàn đi theo một lối phủ định, mà chúng ta còn tìm thấy trong đó một tuyến tính khẳng định. Theo tuyến tính khẳng định, trong mắt nhìn của Scheler, nhân vị được xem xét qua mối tương quan với “thế giới”, nghĩa là anh/cô ta luôn cùng tồn tại với thế giới. Tuy nhiên, khác với truyền thống chủ quan luận, tương quan nhân vị - thế giới không bao giờ được hiểu như là quan hệ giữa một bên là chủ thể nhận thức, còn bên kia là “thế giới ngoại tại” (outer world). Do đó, với Scheler, thật sai lầm khi xem thế giới như là một đối tượng thuần túy hay một ý niệm giản đơn. Đúng hơn, nó được ban sẵn như là *hoàn cảnh* cho mỗi chúng ta với tư cách là một nhân vị. Nói cách khác, nhân vị được hình dung như sự dẫn thân vào thế giới. Nếu như người ta có thể tìm thấy nơi triết học về hữu thể của Heidegger, tồn tại người như là hiện thể đang “sống ở đời” (being-in-the-world), thì với nhân học triết học của Scheler, tồn tại người không gì khác hơn chính là một “nhân vị giữa đời” (“person-in-the-world”).

Trong các tác phẩm của mình, Scheler còn phân chia nhân vị thành *nhân vị cá biệt* (Einzelperson) và nhân vị tập thể (Gesamtperson) [9, tr.519]. Theo quan điểm của chủ nghĩa nhân vị đạo đức, mỗi nhân vị cá biệt là một hữu thể độc đáo mang chở những giá trị nguyên bản (original values), do đó, không bao giờ có thể bị giản lược vào bất cứ một sự vật hay một đối tượng nào. Nói như Scheler, một nhân vị luôn “thuộc về bản chất của nhân vị hiện hữu và sống một cách đơn độc trong quá trình thực hiện các hành vi ý hướng. Vậy nên nhân vị căn bản không bao giờ là một “đối tượng”.

Nhân vị cá biệt giống như một tiểu vũ trụ (microcosm) với những nét riêng không thể bị giản lược thành những ý niệm phổ quát về thế giới. Nhưng Scheler còn thừa nhận sự tồn tại của một đại vũ trụ (macrocosm). Đó không phải là thế giới của bất cứ một nhân vị cá biệt, cụ thể nào, mà là thế giới của nhân vị tập thể. Nhân vị tập thể này luôn tương quan với sự thống nhất của thế giới. Sự thống nhất của thế giới ấy (macrocosm) là được ban cho sẵn cùng với Thiên Chúa. Trong ý nghĩa này, Thiên Chúa không nên hiểu một cách giản đơn như là một ý niệm siêu nghiệm thuần túy, mà là một hữu thể có nhân cách. Scheler viết: “... mọi “sự thống nhất của thế giới” (bao gồm mọi dạng thức của nhất thần luận và phiếm thần luận) không thoái hóa thành bản chất của một vị Thiên chúa *có nhân cách*, tồn tại như “một lý tính thế giới phổ quát”, và một cách tương tự, mỗi dạng thức “thế thân” cho một “Thiên chúa” có nhân cách, kiểu như một “lý tính thế giới phổ quát”, một “cái Tôi duy lý siêu nghiệm”, một “kẻ thống trị luân lý của thế giới” (I. Kant), và một *ordo ordinans* (Fichte trong giai đoạn đầu của ông), một “chủ thể” logic vô biên (G.W.F. Hegel), hay một cái vô thức siêu cá nhân” phi nhân và tự xung... là một khẳng định triết học “phi lý” [9, tr.397].



Các nhà triết học đã có gắng thay thế thực tại của Thiên chúa có nhân cách bằng nhiều cách khác nhau. Hàng loạt ý tưởng, khái niệm, phạm trù triết học đã được đưa ra và luận giải ở nhiều cung bậc, phạm vi khác nhau. Tuy nhiên, Scheler khẳng định rằng, Thiên chúa là một nhân vị đặc biệt, là *Nhân vị của mọi nhân vị*, chứ không bao giờ là một ý niệm trừu tượng. Với ông, một trong những lỗi lầm chủ yếu của triết học cận hiện đại đó là nghĩ rằng con người tự mình sáng tạo ra Thiên chúa.

### 2.3. Con người là hữu thể biết yêu thương

Một trong những luận đề xuyên suốt và nhất quán mà Scheler luôn kiên định trong tuyến tính tư tưởng về nhân học triết học đó là xem con người là một *hữu thể biết yêu thương* (*ens amans*). Scheler thẳng thừng bác bỏ cách hiểu về con người như là một “động vật có lý trí” (*animal rationale*), cũng như quan niệm xem lý trí là nguyên tắc dẫn đạo của tinh thần con người (chẳng hạn như quan điểm của Immanuel Kant). Trên cơ sở đó, Scheler khẳng định rõ quan điểm của mình: “Con người không là một thực thể biết tư duy, cũng không là hiện thân của ý chí mãnh liệt, mà trước hết anh ta là một hữu thể biết yêu thương”. Với ông, tình yêu chính “là người mẹ hiền và là người đánh thức” mọi tri thức và khát khao mãnh liệt nơi con người. Ông nhấn mạnh rằng, việc định nghĩa con người dựa trên năng lực duy lý chẳng khác nào chúng ta đang phi nhân vị hóa (*depersonalization*) bởi lý trí là như nhau ở tất cả mọi người. Do đó, một khi hành động của chúng ta bị chế định bởi lý trí, thì khi ấy chúng ta đang đánh mất nhân vị để hóa thành những đơn vị lôgic thiếu sức sống. Nhân vị hiện hữu một cách độc đáo qua tính đa dạng khôn cùng của hành động theo tiếng gọi mời từ những biểu hiện cảm tính của tinh thần. Hãy xem Scheler diễn giải điểm mấu chốt này bằng những dòng sau đây: “Các yếu tố cảm tính tinh thần như cảm nhận, sở thích, tình yêu, hận thù, và *ham muốn*, đều sở đắc một nội dung nguyên bản có tính tiên thiên, chứ không phải vay mượn từ ‘tư duy’[...] Có một “*trật tự của tâm hồn*” (*ordre du coeur*) hay “*lý lẽ của con tim*” (*Logique du Coeur*) có tính tiên thiên đúng như Blaise Pascal đã từng nói” [9, tr.63].

Với Scheler, cái tiên thiên cảm tính của tình yêu và thù hận luôn đi trước và là căn cơ của mọi cái tính tiên thiên khác (hiểu biết, ham muốn...) nơi con người. Từ lập trường duy cảm, Scheler hiểu con người là *ens amans*, một hữu thể luôn hướng tình yêu thương đến người khác. Tình yêu được ông định nghĩa là hoạt động trong đó mỗi đối tượng cá biệt cụ thể chuyển tải giá trị đến với những giá trị cao nhất có thể theo bản chất lý tưởng của mình; hoặc trong đó mỗi cá nhân đạt đến giá trị bản chất lý tưởng đặc hữu của nó.

Ý nghĩa của quan niệm về nhân vị dạt dào tình yêu thương được Scheler đưa ra và luận bàn một cách kỹ lưỡng trong khảo luận “*Ordo Amoris*” (1916) xuất hiện lần đầu tiên năm 1916. Trong khảo luận này, người sáng lập nhân học triết học đặc biệt chú tâm đến vấn đề tình yêu và con người. Ông cho rằng, con người không phải là một

hữu thể biết tư duy, cũng không phải là hữu thể đầy ham muốn. Con người là nhân vị, một nhân vị biết yêu thương; rằng tình yêu chính là bản chất của tồn tại người.

*Trật tự yêu thương* triển thị cấu trúc căn bản của nhân tình và giá trị ưu trội của một con người - nhân vị. Do đó, mỗi nhân vị độc đáo đều có một trật tự yêu thương, một "tiếng nói con tim" của riêng mình.

Tình yêu và thù hận là những hành vi nguyên bản và bất khả giản lược thành bất cứ một hành vi nào khác nơi mỗi nhân vị. Với Scheler, mọi khổ đau và phiền não suy cho cùng đều khởi phát nơi tình yêu mà thôi, sự tồn tại của chúng liên đới với tình yêu. Tình yêu là suối nguồn uyên nguyên của mọi xúc cảm của con người về đau khổ, sung sướng, tuyệt vọng... Scheler chỉ rõ tình yêu được thiết lập trong một trật tự (logic), nhưng ông cũng lưu ý thêm rằng, trật tự yêu thương đi trước hành vi nhận thức, bởi tình yêu đi trước tri thức.

Ordo amoris, trong mắt nhìn của Scheler, giống như kẻ phán quyết đầy quyền uy về thế giới giá trị. Chịu ảnh hưởng từ lối diễn đạt của Blaise Pascal, Scheler định nghĩa ordo amoris là "lý lẽ của con tim" hoạt động bên ngoài và không chịu sự chi phối bởi "quy luật của lý trí". Hệ thống thang bậc các giá trị này chỉ được thiết định từ sự tri nhận cảm tính của con tim về các giá trị. Lý lẽ của con tim chỉ tuân theo quy tắc của chính nó, chứ không phải bất cứ quy tắc của một cái gì khác.

Một cách đại khái, có thể dễ dàng nhận thấy trong thế giới hiện thực tồn tại nhiều thước đo và trật tự khác nhau. Scheler cũng thừa nhận tính độc lập bất khả tham chiếu giữa các hệ thống giá trị trong hiện thực, nhưng điều đó không đồng nghĩa với ordo amoris sẽ dẫn đến chủ nghĩa tương đối. Ông khẳng định, sự khác biệt trong cảm nhận về giá trị không phải bắt nguồn từ sự phong phú, đa dạng về cảm nhận của những người khác nhau, mà đúng hơn là phát xuất từ những ngộ nhận hoặc giải thích sai lệch theo nhiều cách khác nhau của họ về ordo amoris. Một khi những ngộ nhận và giải thích sai lệch ấy chiếm lĩnh con người với sự căm ghét và hận thù, thì ordo amoris sẽ bị xuyên tạc.

Ordo amoris ngay từ đầu là trật tự khách quan và phổ quát của tình yêu. Trong hành vi yêu thương với tính cách là hành vi căn bản và nguyên khởi của mỗi con người, trật tự của tình yêu không bao giờ bị xâm phạm, nhưng trên thực tế nơi những con người cụ thể nhất định thì tình hình lại khác, ordo amoris có thể bị phá vỡ hoặc biến dạng bất cứ lúc nào trước sự thống ngự của hận thù thay vì tình yêu. Vậy hận thù mang tính hủy hoại ấy từ đâu mà có? Scheler quả quyết, nó xuất hiện khi một con người cụ thể nào đó không được thừa nhận giá trị.

Trong "Ordo Amoris", Scheler phân biệt rõ hai loại tình yêu: tình yêu sai lạc và tình yêu đích thực. Tình yêu sai lầm có thể biểu hiện dưới dạng tình yêu vị kỷ của cái tôi hoặc tình yêu đối với sự vật. Trong tình yêu sai lạc, người ta không thể đồng cảm

với người khác. Ngược lại, tình yêu đích thực luôn là tình yêu giữa những nhân vị, là loại tình cảm dành riêng cho con người - nhân vị, nơi mà con người hoàn toàn cởi mở với nhau, cũng như có thể đồng cảm và chia sẻ toàn bộ giá trị cho nhau.

Với Scheler, tình yêu Kitô không nên được coi như tình yêu đối với cái Thiện tối cao hay Chân lý tuyệt đích, mà là tình yêu đối với Thiên Chúa cá nhân. Thiên Chúa ở đây không phải là thực thể khách quan, cũng không phải là ý niệm trừu tượng. Thiên Chúa là một nhân vị luôn dành tình yêu thương cho nhân giới (*amare mundum in Deo*). Trong tình yêu của Thiên Chúa, con người không còn là *homo naturalis*, cũng chẳng phải là *homo sapiens*, mà là *homo religious*. Không giống như những vị anh hùng trong bi kịch thời cổ điển Hy Lạp xa xưa, mỗi nhân vị tham dự vào tình yêu là một kẻ kiếm tìm Thiên Chúa (*Gottsucher*), rốt cuộc sẽ rời xa trần gian và yên nghỉ trong vòng tay của Thiên Chúa.

Trong tư cách là “thực thể yêu thương”, mỗi nhân vị tự thể hiện ra như là một chủ thể tính hữu hạn và cụ thể, một tiểu vũ trụ giá trị quy định cấu trúc ý hướng của đại vũ trụ. “Trật tự yêu thương trong tâm hồn” - công thức giá trị chủ yếu được đóng vai trò là cơ sở quy định đời sống tinh thần và đời sống đạo đức của mỗi con người – nhân vị.

Trong nhân học triết học của Scheler, tình yêu thương là tiên quyết đối với mỗi con người khát khao tri thức, tự nó trình hiện như là “đỉnh điểm bản thể luận” của trật tự thế giới thiêng liêng và hùng vĩ. Trái ngược với Kant, con người nơi nhân học triết học của Scheler không phải là một bản thể thuần duy lý lạnh lùng, mà là một hữu thể đong đầy cảm xúc, biết giận biết hờn, biết yêu thương, giàu vị tha và lòng trắc ẩn vô biên. Hẳn nhiên, từ lập trường duy cảm, ông đề cao tình yêu hơn tri thức, xem tình yêu như là quy luật căn bản quy định sự tồn tại của “trật tự con tim”, bởi bản thân mỗi nhân vị là căn nguyên sâu xa của “hữu thể biết yêu thương”. Ông từng diễn giải điều này rằng, cái mà chúng ta gọi là ‘*linh hồn*’ (*Gemut*), hay nói một cách ẩn dụ, là tâm hồn bên trong con người... là một sự phản tư có tính chẻ chia (*dismembered reflection*) thế giới vạn vật có thể được xem là điển hình của tình yêu - và do đó... là một tiểu vũ trụ của thế giới các giá trị. Trong tư tưởng của Scheler, quy luật tiên thiên của “trật tự yêu thương” có một địa vị ưu trội so với hận thù, và cao hơn tri thức. Tình yêu đạt đến mục tiêu tối cao của nó như là một nguồn cảm hứng cho giá trị tuyệt đích. Đó là lý do tại sao mọi hình thái tình yêu giữ người với người luôn tiềm ẩn một tình yêu đối với giá trị tuyệt đích (Thiên Chúa) cho phép mỗi chúng ta tồn tại trong mối quan hệ người.

### 3. KẾT LUẬN

Vượt qua tính đa dạng, phong phú về chủ đề được luận bàn trong các tác phẩm của Max Scheler, chúng ta có thể chắt lọc thành một số luận đề cốt lõi về nhân học triết

học gồm: *thứ nhất*, bản chất và vị thế độc nhất vô nhị của con người trong hoàn vũ; *thứ hai*, con người với tư cách là nhân vị; và *thứ ba*, con người là một hữu thể biết yêu thương. Qua những kiến giải của Scheler, chúng ta có thể hình dung được giá trị của nhân học triết học gắn liền mục tiêu mang đến cho chúng ta một hình ảnh toàn vẹn về con người<sup>3</sup>.

Mặc dù nhân học triết học của Max Scheler được xây dựng trên lập trường duy tâm huyền bí thể hiện qua phần ông diễn giải về Tinh thần, tuy nhiên chúng ta vẫn có thể tìm thấy trong đó những hạt nhân tích cực (dù dưới dạng chưa hoàn chỉnh) có ý nghĩa vượt khỏi khuôn khổ của thời đại ông như luận đề về con người như là nhân vị độc đáo, và luận đề về con người như một hữu thể biết yêu thương.

Đặt trong bối cảnh con người và xã hội hiện đại đang phải đối diện với những vấn đề toàn thế giới có ảnh hưởng lớn đến chất lượng sống, và sâu xa hơn là vận mệnh của loài người (nghèo đói, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường sinh thái, chiến tranh hạt nhân, khủng bố,...), thì bất cứ nỗ lực chân chính nào nhằm “chẩn trị” những “vấn nạn” của con người đều đáng được trân quý. Phát xuất từ quan niệm như vậy, chúng tôi cho rằng, Max Scheler và nỗ lực của ông nhằm theo đuổi chương trình nhân học triết học cần tiếp tục được nghiên cứu không chỉ trong sự tham chiếu với ý nghĩa lịch sử, mà còn tham chiếu với đặc điểm mới của thời đại nhằm tìm thấy ở đó những điểm tích cực và có ý nghĩa hiện thời.

---

<sup>3</sup> Mục tiêu của Scheler và các nhà nhân học triết học sau ông là mang lại một chương trình tổng quát về con người nhằm khắc phục tình trạng con người bị nát vụn bởi sự can thiệp của các khoa học chuyên ngành nghiên cứu về con người. Đó là lý do tại sao chúng tôi nhận định về nỗ lực của Scheler là nhằm khôi phục hình ảnh toàn vẹn (holism) về con người xét như một chỉnh thể.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Lưu Phóng Đồng (2004), *Giáo trình hướng tới thế kỷ 21 – Triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [2]. Frings, Manfred S. (1996), *Max Scheler: A Concise Introduction into World of A Greatest Thinker*, Milwaukee: Marquette University Press.
- [3]. Nguyễn Vũ Hào (2016), *Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [4]. Đỗ Minh Hợp (chủ biên) (2014), *Nhân học triết học Freud và ảnh hưởng của nó đến nhân học triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [5]. Niel, André (1969), *Những tiếng kêu lớn của chủ nghĩa nhân bản hiện đại*, (bản dịch của Mạnh Tường), Nxb Ca Dao, Sài Gòn.
- [6]. Phan Văn Quỳnh S.J (2020), "Max Scheler và Triết học nhân học trong *Man's Place in Nature*: Đi tìm và nhận ra thứ bậc của con người trong thiên nhiên", <https://sjjs.edu.vn/max-scheler-va-triet-hoc-nhan-hoc-trong-mans-place-in-nature-di-tim-va-nhan-ra-thu-bac-cua-con-nguoi-trong-thien-nhien/>, truy cập ngày 17 tháng 9 năm 2020.
- [7]. Ranly, Ernest W. (1966), *Scheler's Phenomenology of Community*, The Hague: Martinus Nijhoff.
- [8]. Sandmeyer, Robert (2012), "Life and Spirit in Max Scheler's Philosophy", *Philosophy Compass*, Vol 7, No 1, pp. 23-32.
- [9]. Scheler, Max (1973), *Formalism in Ethics and Non-Formal Ethics of Values: A New Attempt toward the Foundation of an Ethical Personalism*, translated by Manfred S. Frings and Roger L. Funk, Evanston: Northwestern University Press.
- [10]. Thomas, Owen C. (2012), "Theological Anthropology, Philosophical Anthropology, and the Human Sciences", *Theology and Science*, Vol.10, No.2, pp.141-151.
- [11]. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2007), *Những vấn đề triết học phương Tây thế kỷ XX*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [12]. Weiss, Dennis M. ed (2002), *Interpreting Man*, Colorado: The Davies Group Publisher.

## HUMAN PERSON IN CONTEMPORARY PHILOSOPHICAL ANTHROPOLOGY (THROUGH THE INTERPRETATION OF MAX SCHELER)

**Nguyen Viet Phuong**

University of Sciences, Hue University

Email: phuongdhkh@gmail.com

### ABSTRACT

As an independent philosophical movement, philosophical anthropology emerged in Germany in the 20s of the 20th century, and then expanded its influence to Austria and Switzerland. The founder of philosophical anthropology is Max Scheler. According to Scheler, the central mission of the philosophical anthropology is to examine the human being in its entirety and completeness. Through the key points in Scheler's philosophical anthropology, we can better visualize how contemporary philosophical anthropology has approached and solved human person.

**Keywords:** Contemporary philosophy, human person, Max Scheler, Philosophical anthropology.



**Nguyễn Việt Phương** sinh ngày 14/11/1984 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân năm 2006 và thạc sĩ năm 2010 ngành Triết học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, nhận học vị tiến sĩ chuyên ngành Triết học năm 2016 tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Hiện nay, ông công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Triết học, Khoa học chính trị